

Bản án số: **79/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-11-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Tấn Tiên;

Ông Mai Văn Tự.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lữ Hồng Tuấn T**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 10, ấp BL, xã CL, Huyện DMC, tỉnh TN.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Thu T**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà 16, tổ 1A, ấp PH, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh TN.

- Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2019 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lữ Hồng Tuấn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện quen biết nhau, chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, Huyện DMC, tỉnh TN số: 121/2015, quyền số 01/2015 ngày 30-12-2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau. Sau đó chị T bỏ nhà ra đi cho đến nay, không rõ tung tích. Ngày 11 tháng 12 năm 2018, anh T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN “Tuyên bố một người mất tích”. Đến ngày 10 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN ban hành quyết định số: 02/2019/QĐDS-ST chấp nhận yêu cầu của anh T “Tuyên bố một người mất tích” đối với chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà 16, tổ 1A, ấp

PH, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh TN. Do chị T bị Tòa án tuyên bố mất tích nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Thu T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng dân sự triệu tập chị T đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng chị T không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Chị T đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh T được ly hôn với chị T.

Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN.

Chị Lê Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng chị T vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T tự nguyện chung sống với nhau năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, Huyện DMC, tỉnh TN nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T, chị T phát sinh mâu thuẫn do anh chị mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 5 năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T bỏ nhà ra đi. Anh T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN “Tuyên bố một người mất tích”. Đến ngày 10-6-2019, Tòa án nhân dân Huyện DMC, ban hành Quyết định số 02/2019/QĐDS-ST chấp nhận yêu cầu của anh T “Tuyên bố một người mất tích” đối với chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp PH, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh TN (Quyết định đã có hiệu lực pháp luật). Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn với chị Lê Thị Thu T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lữ Hồng Tuấn T đối với chị Lê Thị Thu T. Giữa anh T và chị T không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lữ Hồng Tuấn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0011965 ngày 08-7-2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện DMC, tỉnh TN. Ghi nhận anh Lữ Hồng Tuấn T đã nộp xong.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- UBND xã CL;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa